

Số: 05/2021/QĐST- DSST

CB, ngày 25 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 72/2020/TLST-DSST ngày 18 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Quốc L

Địa chỉ: Số nhà 27, ngách 15, ngõ 034, tổ 03, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB.

- Bị đơn: Nguyễn Quốc T

Địa chỉ: Số nhà 27, tổ 03, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thanh B

Địa chỉ: Số nhà 29, ngách 15, ngõ 034, tổ 03, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Thừa đất số 129, tờ bản đồ số 15-I-B-a, diện tích 78m² tại tổ 03, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB đã được Ủy ban nhân dân tỉnh CB cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số N 131881 mang tên Hoàng Thị O (Thửa đất số 129) có giá trị là 06 tỷ đồng.

- Thửa đất số 129 được chia thành 04 phần. Do ông Nguyễn Quốc T có công phụng dưỡng bố mẹ và năm 1986, khi ông Nguyễn Gia Thắng và bà Hoàng Thị O còn sống, ông Nguyễn Quốc L và bà Nguyễn Thanh B đã được ông Nguyễn Gia Thắng và bà Hoàng Thị O tặng cho mỗi người 50m² đất vườn. Hiện nay diện tích 50m² đất ông Thắng bà O tặng cho ông L nằm trong thửa đất số 137, tờ bản đồ 15-I-B-a, diện tích 81,6m², có địa chỉ tại tổ 08 (nay là tổ 03), phường HG, thành phố CB, tỉnh CB, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 839593 do Ủy ban nhân dân thị xã CB cấp ngày 10/8/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Quốc L bà Nguyễn Thị Lua. Diện tích 50m² đất ông Thắng bà O tặng cho bà B nằm trong thửa đất số 137a, tờ bản đồ 15-I-B-a, diện tích 78m², có địa chỉ tại tổ 08 (nay là tổ 03), phường HG, thành phố CB, tỉnh CB, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 853194 do Ủy ban nhân dân tỉnh CB cấp ngày 27/2/2001 mang tên Nguyễn Thanh B.

Do đó, các bên đương sự thống nhất thỏa thuận ông Nguyễn Quốc T được chia 02 phần có giá trị là 3 tỷ đồng, ông Nguyễn Quốc L và bà Nguyễn Thanh B mỗi người được chia 01 phần có giá trị là 1,5 tỷ đồng. Do ông Nguyễn Quốc T đang sinh sống trên thửa đất số 129 nên ông T được quyền sử dụng thửa đất số 129 và có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Quốc L, bà Nguyễn Thanh B mỗi người 1,5 tỷ đồng.

Kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật ông T không thanh toán số tiền cho ông L, bà B như đã thỏa thuận thì ông T còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Thẩm phán đã giải thích về tiền án phí trong trường hợp các bên đương sự thỏa thuận được tất cả các vấn đề có tranh chấp trong vụ án. Số tiền án phí mỗi người phải chịu như sau:

Ông Nguyễn Quốc L được chia 1,5 tỷ đồng nên phải chịu án phí là:
 $50\% \times (36 \text{ triệu đồng} + (3\% \times 700.000.000 \text{ đồng})) = 28.500.000 \text{ đồng}.$

Bà Nguyễn Thanh B được chia 1,5 tỷ đồng nên phải chịu án phí là:
 $50\% \times (36 \text{ triệu đồng} + (3\% \times 700.000.000 \text{ đồng})) = 28.500.000 \text{ đồng}.$

Ông Nguyễn Quốc T được chia 3 tỷ đồng nên phải chịu án phí là: $50\% \times (72 \text{ triệu đồng} + (2\% \times 1.000.000.000 \text{ đồng})) = 46.000.000 \text{ đồng}.$

Do các bên đương sự là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên các bên đương sự được quyền miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, nếu đương sự nào có thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trên thì phải làm thành văn bản gửi cho Tòa án. Hết thời hạn này, mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trên thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các

đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TPCB;
- Chi cục THADS TPCB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hoài Phương